

Bản án số: 106/2024/DS-ST
Ngày: 22/8/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Hoàng**;
2. Ông **Nguyễn Văn Hòa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2024/TLST-DS ngày 10/5/2024, về việc: “**Tranh chấp Hợp đồng tín dụng**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2024/QĐXXST-DS ngày 19/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2024/QĐST-DS ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1)**

Trụ sở: **Số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông **Dương Đình C**, chức vụ: Trưởng **phòng G**. Địa chỉ: **Số A N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang**. Số điện thoại: 02963.712.771

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà **Phan Thị Cẩm V**, sinh năm 1992, chức vụ: CBNV **phòng G** – **Chi nhánh A**.

* Bị đơn: Ông **Trịnh Kỳ T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0939.313.312

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) trình bày:

Ngày 15/5/2017, Ngân hàng TMCP S (S1) đồng ý phát hành thẻ cho anh Trịnh Kỳ T với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 với nội dung như sau: Mục đích vay vốn: Tiêu dùng; Loại thẻ: Thẻ tín dụng S1; Số tài khoản thẻ tín dụng: 3184665432; Lãi suất vay: Theo mức lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 2,5%/tháng (30%/năm); Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế. Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ khách hàng đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và khách hàng cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết.

Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu bị đơn anh Trịnh Kỳ T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 22/8/2024) là 41.910.867 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017, trong đó: Nợ gốc là 24.593.895 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.544.648 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.772.324 đồng.

Yêu cầu anh Trịnh Kỳ T phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày xét xử (ngày 23/8/2024) cho đến khi anh Trịnh Kỳ T trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 đã ký.

Bị đơn anh Trịnh Kỳ T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng anh Trịnh Kỳ T vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn anh **Trịnh Kỳ T** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S (S1)** tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 41.910.867 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017, trong đó: Nợ gốc là 24.593.895 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.544.648 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.772.324 đồng. Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất và phí quy định tại Hợp đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện **Ngân hàng TMCP S (S1)** – sau đây gọi tắt là **Ngân hàng S1** khởi kiện yêu cầu anh **Trịnh Kỳ T** phải trả khoản nợ thẻ tiêu dùng dựa trên Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **huyện T, tỉnh An Giang** nên nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 được ký kết giữa **Ngân hàng S1** với anh **Trịnh Kỳ T** là hợp pháp vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung (Điều 117 Bộ luật dân sự) cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch, HĐXX công nhận Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế trên giữa **Ngân hàng TMCP S (S1)** và anh **Trịnh Kỳ T** là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S (S1)**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nợ gốc:

Ngày 15/5/2017, Ngân hàng TMCP S (S1) đồng ý phát hành thẻ cho anh T với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017, căn cứ vào hạn mức anh T đề nghị theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 Ngân hàng đã tạo điều kiện để anh T được sử dụng thẻ tín dụng nhưng anh Trịnh Kỳ T đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn; Tính đến ngày 22/8/2024 dư nợ gốc bị đơn còn lại nguyên đơn là 41.910.867 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1) về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2.2.2] Về khoản nợ lãi, phí:

Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng S1 theo từng thời kỳ, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 2,5%/tháng (30%/năm). Tính đến ngày xét xử (ngày 22/8/2024) ông T còn nợ lãi là 17.316.972 đồng, trong đó: nợ lãi trong hạn là 11.544.648 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.772.324 đồng. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả, phí phát sinh trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi, tiền phí phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (22/8/2024) đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng S1 nên việc anh T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi và phí là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn anh Trịnh Kỳ T phải thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 22/8/2024) là 41.910.867 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017, trong đó: Nợ gốc là 24.593.895 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.544.648 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.772.324 đồng.

[2.2.3] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2024) cho đến khi anh Trịnh Kỳ T trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S (S1)**: Buộc bị đơn anh **Trịnh Kỳ T** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S (S1)** tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử (ngày 22/8/2024) là 41.910.867 đồng (*bốn mươi một triệu, chín trăm mười ngàn, tám trăm sáu mươi bảy đồng*) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017, trong đó: Nợ gốc là 24.593.895 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.544.648 đồng và nợ lãi quá hạn là 5.772.324 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/8/2024), anh **Trịnh Kỳ T** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí mà các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 920470-352164302 ngày 15/5/2017 cho đến khi anh **Trịnh Kỳ T** thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh **Trịnh Kỳ T** phải nộp 2.095.543 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S (S1)** không phải chịu án phí nên được nhận lại 938.052 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013878 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. H
THẨM**

